

Chính sách củng cố độc lập dân tộc của Liên bang Malaysia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay

Dương Thị Huệ*

Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 22/02/2019, ngày gửi phản biện: 12/08/2019, ngày duyệt đăng: 16/9/2019

Sau khi giành được độc lập (1957), Liên bang Malaysia đã trải qua quá trình củng cố nền độc lập dân tộc với nhiều thách thức và đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực (chính trị; ngoại giao; kinh tế; dân tộc - tôn giáo và văn hóa - xã hội). Bài viết sẽ tìm hiểu về những chính sách của Chính phủ Malaysia nhằm củng cố nền độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay.

Từ khóa: Chính sách, củng cố, độc lập, Malaysia, Chiến tranh Lạnh

Mở đầu

Kể từ sau khi giành được độc lập vào năm 1957, Malaysia được biết đến như một quốc gia kiêu hãnh về hòa bình và ổn định với những thành tựu to lớn trong quá trình đấu tranh củng cố và bảo vệ độc lập chủ quyền thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, quá trình toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến các quốc gia - dân tộc, đặt ra nhiều thách thức về việc củng cố độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Trong bối cảnh đó, bằng những biện pháp linh hoạt, mềm dẻo trên nhiều lĩnh vực, Malaysia tiếp tục quá trình củng cố độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia trên cơ sở hiện thực hóa chương trình "Viễn cảnh năm 2020" do Thủ tướng Mahathir Mohamad khởi xướng vào năm 1991. Nhờ vậy, Malaysia là một trong số ít nước đang phát triển đã thành công trong việc ổn định nền chính trị; tăng cường hội nhập quốc tế; phục hồi và phát triển mạnh mẽ nền kinh tế, trở thành điểm sáng trong khu vực Đông Nam Á.

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh

Chiến tranh Lạnh kết thúc, hòa bình hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế giữa các chủ thể. Tuy nhiên, khả năng nước lớn sử dụng vũ lực trong quan hệ với các nước nhỏ có chiều hướng tăng lên, đặc biệt là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ với tiềm lực nổi trội, tỏ rõ tham vọng "lãnh đạo" thế giới. Trung Quốc nổi lên như một cường quốc khu vực tạo nên những thách thức tiềm tàng đối với an ninh, độc lập chủ quyền các nước Đông Nam Á. Những biến động và trật tự quyền lực của các nước lớn đã làm gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, tạo ra nhiều

* duongthihue@qnu.edu.vn

thách thức đối với sự phát triển và quá trình cùng cố bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Chủ nghĩa Islam giáo cực đoan được hậu thuẫn tăng cường hoạt động và trở thành nguồn gốc của chủ nghĩa khủng bố quốc tế càng làm quan hệ quốc tế trở nên căng thẳng.

Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, ngày càng có nhiều nước tham gia, nhưng hiện nay xu hướng này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối nên nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Toàn cầu hóa tạo cơ hội cho các nước đi tắt đón đầu hội nhập quốc tế, nhưng cũng chứa đựng những nguy cơ khó lường đe dọa độc lập chủ quyền quốc gia (Thái Văn Long, 2006, tr.204). Do đó, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia là hai mặt, hai quá trình vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn. Mỗi quốc gia cần hết sức tinh táo để xác định những bước đi cụ thể, phù hợp, đảm bảo cho cả hai quá trình đó đều phát triển theo chiều thuận.

Bước vào thập niên 90, với tiềm năng phát triển kinh tế cao và chính sách ưu tiên phát triển kinh tế hàng đầu của các nước, Đông Nam Á đã trở thành một khu vực có sức hấp dẫn mạnh mẽ về thương mại và đầu tư với nước ngoài. Trên cơ sở tăng cường thúc đẩy sự hợp tác và đối thoại giữa các nước Đông Nam Á đã trở thành một khu vực hòa bình và ổn định tương đối (Luận Thùy Dương, 2010). Tuy nhiên, môi trường an ninh còn chứa đựng nhiều nhân tố gây mất ổn định như tranh chấp lãnh thổ, biển đảo; chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và sắc tộc gia tăng, diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình đó đòi hỏi các nước trong khu vực vừa phải nỗ lực để cùng cố và bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác, liên kết phát triển. Trong bối cảnh đó, Malaysia cần phải lựa chọn hướng đi thích hợp với những chính sách mang tính cách mạng để phát triển và cùng cố bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia.

2. Những chính sách cùng cố độc lập dân tộc của Malaysia

Về tổng thể, quá trình đấu tranh cùng cố độc lập dân tộc của Malaysia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay có thể khái quát như sau:

Lĩnh vực chính trị

Sau khủng hoảng chính trị năm 1969, từ những năm 1970, Malaysia đã giải quyết vấn đề sắc tộc bằng việc hình thành Mặt trận Dân tộc (Barisab National - BN) là liên minh giữa UMNO với 11 đảng phái chính trị khác nhau. Trong đó tổ chức Dân tộc thống nhất Malaysia (UMNO) là đảng phái chính trị mạnh nhất, có uy tín và trở thành hạt nhân chính trong Mặt trận Dân tộc. Đối lập với mặt trận Dân tộc là Đảng Islam toàn Malaysia (PIM) và Đảng Dân chủ hành động Malaysia (DAP). Tuy hai đảng này có mục tiêu khác với Mặt trận Dân tộc, song về đại thể tình hình chính trị Malaysia từ năm 1970 đến 1990 là ổn định. Đó là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Malaysia. Trong những năm 80, với sự ủng hộ của Mặt trận Dân tộc, Chính phủ của Thủ tướng Mahathir Mohamad đã loại trừ phe đối lập thống nhất về chính trị đồng thời triển khai thực hiện các cải cách kinh tế, tạo đà cho Malaysia bước vào thập kỷ 90 với những cải cách mạnh mẽ sâu rộng hơn.

Tuy nhiên dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á tháng 7/1997, kinh tế Malaysia lâm vào tình trạng suy thoái, tình hình chính trị cũng trở nên phức tạp do xung đột đường lối khắc phục khủng hoảng tài chính. Xung đột đó bắt nguồn từ những bất đồng quan điểm về việc giải quyết tác động khủng hoảng tài chính giữa Thủ tướng Mahathir Mohamad và phó Thủ tướng Anwar Ibrahim

(trên thực tế giữa hai người còn có những bất đồng khác trên lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế). Tình hình trên dẫn đến những bất đồng và chia rẽ sâu sắc trong giới lãnh đạo, trong nội bộ UMNO và Liên minh cầm quyền. Phó Thủ tướng Anwar Ibrahim còn bị cáo buộc vi phạm đạo đức, do đó Mahathir đã tuyên bố cách chức và bắt giam Anwar (1998). Đây được xem là cuộc đụng độ lớn giữa phe dân chủ đổi mới (Mahathir đại diện) và lực lượng bảo thủ trong lịch sử nắm quyền của UMNO.

Đổi mặt với cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở châu Á, năm 1997, chính phủ Mahathir thay vì thực hiện theo các giải pháp khắc phục của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), đã táo bạo rút Malaysia khỏi thị trường tài chính thế giới và đưa ra những biện pháp kiểm soát tài chính thích hợp. Những bước đi đột phá đã giúp nền kinh tế Malaysia hồi phục và đi vào ổn định với mức tăng trưởng kinh tế năm 1999 là 5,4% (so với mức dự báo là 4,3%) (Lê Đăng Minh, 2018, tr.791). Trên cơ sở đó UMNO và Chính phủ mà UMNO là nòng cốt liên tục giành được sự tín nhiệm của người dân trong các cuộc bầu cử Quốc hội (1999, 2004). Tuy nhiên, trong cuộc bầu cử năm 2008, UMNO lần đầu tiên mất 2/3 số phiếu tại Quốc hội và mất quyền kiểm soát ở một số địa phương. Năm 2009, UMNO đổi mặt với cáo buộc “Đục khoét quốc gia”, xuất phát từ việc Thủ tướng Najib Razak bị tố cáo tham nhũng tài chính của IMDB (Malaysia Development Berhad- Công ty phát triển chiến lược Malaysia). Để cứu vãn uy tín của BN, năm 2016, Mahathir tách khỏi UMNO gia nhập liên minh đối lập Pakatan Harapan (PH) và xúc tiến tranh cử chức thủ tướng.

Tại cuộc bầu cử tháng 5/2018, Liên minh PH giành được 113/222 ghế; Liên minh BN của Thủ tướng đương nhiệm Najib Razak chỉ giành được 79 ghế, đánh mất đa số phiếu và mất vị thế lãnh đạo đất nước vốn đã được duy trì từ năm 1957 tới nay (*Vnexpress*, 2018). Tham nhũng là nguyên nhân khiến đảng cầm quyền của Thủ tướng Najib phải ra đi, đồng thời Mahathir Mohamad đã chiến thắng trong cuộc bầu cử Hạ viện Malaysia ngày 9/5/2018. Thắng lợi thuyết phục và sự quay lại ngoạn mục của Mahathir Mohamad đã là một minh chứng sự trưởng thành của nền dân chủ Malaysia. Thắng lợi của PH trong bầu cử năm 2018 chính là kết quả rõ ràng nhất của các lực lượng dân chủ Malaysia. Dù vẫn còn nhiều thử thách đối với nền dân chủ, nhưng người dân Malaysia có thể hy vọng vào một tương lai tươi sáng, dân chủ hơn. Đó cũng là yếu tố tiên quyết để Malaysia có thể giải quyết tốt vấn đề sắc tộc tôn giáo; phát triển kinh tế; củng cố độc lập dân tộc chủ quyền quốc gia.

Từ nhận thức một thể chế dân chủ phải gắn với một nền hành chính lành mạnh, năm 1991, Mahathir khởi xướng công cuộc cải cách nền công vụ với chương trình “Viễn cảnh năm 2020” trên nền tảng cải cách những năm 60 trong bối cảnh mới. Chính phủ chủ trương cải cách hành chính đồng bộ và cương quyết bắt đầu từ viên chức nhà nước đến người đứng đầu chính phủ, xây dựng một bộ máy chính quyền trong sạch, trọng tâm vẫn là đổi mới khu vực công và thay đổi các giá trị đạo đức của công chức. Theo đó, để tiến hành nâng cao chất lượng dịch vụ công bước đầu tiệm cận với các nước tiên tiến trên thế giới, từ năm 1995, Chính phủ Malaysia đưa ra hàng loạt các giải pháp để phát triển lĩnh vực này như: áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000, hình thành siêu hành lang đa phương tiện MSC và thành phố ảo Cybercity. Mặt khác, Chính phủ đặt mục tiêu tất cả các cơ quan công quyền đều được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO 9000 dần chuyển đổi sang áp dụng ISO 9001:2000. Từ năm 2009, Malaysia đã đặt ra các chương trình chuyển đổi trong đó trọng tâm của chương trình này là “chuyển đổi chính phủ” - GTP. Mục tiêu của GTP là thay đổi cách

thức làm việc của chính phủ, giải quyết những vấn đề thực tế bằng các giải pháp cụ thể, từ đó hướng tới nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. (Vũ Hoài Bắc, 2017). Nhờ vậy, nền hành chính của Malaysia được vận hành theo những nguyên tắc dân chủ phương Tây nhưng vẫn thấm đượm yếu tố dân tộc trên nền tảng văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ truyền thống.

Lĩnh vực ngoại giao

Thứ nhất, giải quyết tranh chấp lãnh thổ với các nước láng giềng

Chính phủ Malaysia thể hiện sự linh hoạt trong cách thức xử lý tranh chấp như đàm phán trực tiếp, hòa giải, cùng phát triển hoặc thông qua vai trò các tổ chức quốc tế để tìm kiếm cách giải quyết tranh chấp về lãnh thổ, lãnh hải với các nước láng giềng bằng phương pháp hòa bình, tránh xung đột. Hai nước láng giềng Malaysia và Singapore vốn đã vướng vào cuộc tranh chấp các đảo ở lối vào phía Tây của eo biển Singapore từ năm 1979. Do không thể giải quyết tranh chấp qua trao đổi thư từ và đàm phán liên chính phủ trong năm 1993 và 1994, hai bên đã nhất trí đưa tranh chấp ra Tòa án Công lý Quốc tế (International Court of Justice - ICJ). Năm 2008, ICJ ra phán quyết xác định Pedra Branca, Middle Rocks và South Ledge thuộc Malaysia (Nguyễn Thanh Minh, 2016).

Tranh chấp giữa Malaysia với Philippines về chủ quyền đối với bang Sabah (của Malaysia) được xem là một trở ngại lớn trong quan hệ của hai nước nhiều thập kỷ. Năm 2003, Philippines cũng từng đưa tranh chấp này ra trước ICJ nhưng bị từ chối. Cuối cùng, với những cố gắng của ASEAN đã đạt được kết quả khi Malaysia và Philippines đồng ý gác lại vấn đề Sabah để tiếp tục hợp tác vì phát triển của Hiệp hội. Pulau Ligitan và Pulau Sipadan là hai đảo nhỏ không có dân cư sinh sống, giá trị kinh tế không lớn. Cả Indonesia và Malaysia đều khẳng định chủ quyền của mình với các đảo này. Năm 2002, ICJ ra phán quyết khi thừa nhận các đảo đó thuộc chủ quyền của Malaysia trên cơ sở quốc gia này đã thể hiện ý định thực thi quyền lực nhà nước đối với hai đảo trong thời gian dài (Nguyễn Thanh Minh, 2016).

Đối với tranh chấp ở Biển Đông, quan điểm của Malaysia cho rằng: các tranh chấp cần phải được giải quyết một cách hòa bình thông qua nền tảng, cơ chế đa phương, nhất là Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982, đồng thời nhấn mạnh sự kiểm chế. Malaysia ưu tiên hướng đến việc thông qua Bộ Quy tắc Ứng xử ở Biển Đông (COC) cho các bên tuyên bố chủ quyền. Malaysia vẫn cam kết và chủ động thúc đẩy các giải pháp mang tính toàn khu vực cho cuộc tranh chấp Biển Đông. Phản ứng lại những động thái gây hấn của Trung Quốc trên Biển Đông, Malaysia đẩy mạnh nâng cấp quan hệ với Mỹ, đặt Washington lên ngang hàng với Bắc Kinh. Gần đây, Malaysia đã bắt đầu đối thoại với Philippines và Việt Nam về tranh chấp ở Trường Sa.

Thứ hai, thực thi chính sách đối ngoại tích cực và có trách nhiệm

Malaysia không chỉ là nước đồng sáng lập ASEAN mà còn có nhiều sáng kiến và nỗ lực ngoại giao góp phần không nhỏ vào sự tồn tại, phát triển của Hiệp hội. Malaysia đã tham gia APEC và nêu ra ý kiến thành lập Hội đồng kinh tế Đông Á (EAEC) nhằm phát triển sự hợp tác nhiều mặt giữa các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trên cơ sở của EAEC, tháng 7/1993, các quốc gia thành viên ASEAN đã hình thành “điển đàn an ninh khu vực” (ARF) nhằm tìm kiếm những giải pháp thích hợp cho vấn đề an ninh khu vực Đông Nam Á. Mặt khác, năm 2015, trong vai trò Chủ tịch ASEAN, Malaysia đã nỗ lực và góp phần đưa ASEAN trở thành một tổ chức khu vực có ảnh hưởng

lớn hơn trên trường quốc tế, với việc đưa ra chủ đề “*Người dân của chúng ta, Cộng đồng của chúng ta, Tầm nhìn của chúng ta*”. Malaysia đã xác định những nội dung ưu tiên trong năm Chủ tịch ASEAN của mình như: chuẩn bị cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN; hoàn tất soạn thảo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2015; tăng cường thể chế ASEAN; đưa ASEAN đến gần hơn với người dân; tăng cường vai trò toàn cầu của ASEAN. Năm Chủ tịch ASEAN của Malaysia là một năm thành công với nhiều sáng kiến góp phần vào sự lớn mạnh của ASEAN (Kim Dung, 2015).

Malaysia tích cực tham gia vào các vấn đề quốc tế như ủng hộ việc cải tổ bộ máy Liên hợp quốc, mở rộng Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đề nghị bãi bỏ chế độ phủ quyết của các ủy viên thường trực. Tại Hội nghị ASEAN năm 1997, Thủ tướng Mahathir đã lên án Bản Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế của Mỹ, rằng Mỹ và các nước khác sử dụng nó như một công cụ đàn áp để áp đặt các giá trị phương Tây lên châu Á. Thủ tướng Mahathir cho rằng, các nước châu Á cần sự ổn định và phát triển hơn là quyền tự do dân chủ. Malaysia công khai bất đồng với Mỹ trong vấn đề khu vực phi hạt nhân, vấn đề tự do hóa của APEC, lên án Mỹ ép Nhật Bản không tham gia Diễn đàn kinh tế Đông Á (EAEC), nhưng muốn duy trì sự có mặt của Mỹ ở Đông Nam Á để giữ cân bằng trong quan hệ quốc tế ở khu vực (Trần Thị Thảo, 2013, tr.60). Đối với Trung Quốc, Malaysia có thái độ mềm dẻo trong quan hệ. Mặc dù lo ngại về việc tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc, nhưng Malaysia có thái độ mềm dẻo, trung lập trong các xung đột và tranh chấp giữa Trung Quốc với các nước thành viên ASEAN; Không đứng về phía một nước thành viên ASEAN nào có tranh chấp với Trung Quốc. Trên cơ sở thực hiện các chính sách đối ngoại tích cực Malaysia tạo được môi trường quốc tế thuận lợi để thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế của mình.

Lĩnh vực kinh tế

Sau 20 năm thực hiện Chính sách kinh tế mới - NEP (1970-1990), kinh tế Malaysia có tốc độ tăng trưởng cao nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần khắc phục. Vì thế, bước vào thập niên 1990, Chính phủ Malaysia đã chuyển sang thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội mới - Chính sách phát triển quốc gia (NDP). Chính sách phát triển quốc gia (NDP) ra đời nhằm thích ứng với những chuyển biến to lớn trong nước và thế giới, đồng thời khắc phục những hạn chế của NEP trước đây. NDP vẫn tiếp nối mục tiêu của NEP, đưa ra những mục tiêu cụ thể hơn, tiếp tục nỗ lực điều chỉnh mất cân đối kinh tế để tạo ra một xã hội công bằng, thống nhất, hòa bình và thịnh vượng.

Chính sách phát triển quốc gia tập trung điều chỉnh cơ cấu kinh tế công nghiệp; phát triển thành phần kinh tế tư nhân; phát triển nguồn nhân lực để đạt được mục tiêu tăng trưởng; cải thiện mức sống cho những người có thu nhập thấp. Chính sách phát triển quốc gia NDP được thực hiện thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Kế hoạch tư nhân hóa Malaysia (1991); Kế hoạch 5 năm lần thứ sáu (1991-1995); Kế hoạch điều chỉnh công nghiệp IMP1(1995); Kế hoạch điều chỉnh công nghiệp IMP2 (1996-2005); Chính sách nông nghiệp quốc gia lần thứ III (NAP3) (1996-2010); Kế hoạch tư nhân hóa Malaysia PMP (1995); Kế hoạch phục hồi kinh tế quốc dân (NERP/1998); Kế hoạch điều chỉnh công nghiệp IMP3 (2006-2020)...

Với việc thực hiện các chương trình cải cách, đặc biệt có những biện pháp thích hợp để khắc phục hậu quả khủng hoảng tài chính châu Á, nền kinh tế Malaysia đã đạt được những thành tựu lớn. Kinh tế phục hồi và tăng trưởng trở lại (5,8% năm 1999, và 8,5% năm 2000) (Lương Ninh, 2018, tr.795); Cơ

cấu kinh tế công nghiệp được điều chỉnh theo hướng mở rộng và chuyên môn hóa với 7 ngành sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước và 5 ngành sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu (1995). Năm 2010, GDP của công nghiệp chiếm 41,6%, tốc độ tăng trưởng công nghiệp chiếm 7,5% đứng vị trí thứ 37 của thế giới. Công nghiệp sản xuất đầu mỏ đứng thứ 28 của thế giới. Công nghiệp sản xuất ô tô hàng đầu Đông Nam Á. Tăng trưởng trong nông nghiệp đạt 2,1% (giai đoạn 1996-2010). Từ kế hoạch 5 năm lần thứ 8, ngân sách dành cho giáo dục để phát triển nguồn nhân lực tăng nhanh: từ 18,5% (1990), 23,4% (2000), 28,1% (2002) (Lê Đăng Minh, 2018, tr.233)... Tăng trưởng kinh tế góp phần làm giảm sự mất cân đối về thu nhập giữa các tộc người, giữa thành thị và nông thôn. Nhờ thế, GDP bình quân đầu người của Malaysia tăng thường xuyên từ 6.762 USD (1990) lên 12.789 USD (2000), 20.336 USD (2010) và 29.041 USD (2017) (*imf.org*).

Song song với việc triển khai nhiều chương trình phát triển kinh tế trong nước, Chính phủ Malaysia cũng đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế khu vực. Sau khủng hoảng tài chính châu Á, Malaysia là một trong những nước đưa ra sáng kiến đẩy mạnh quá trình liên kết kinh tế khu vực, đưa ra những chủ trương để thực hiện AFTA. Malaysia cũng đặc biệt chú trọng khai thác thị trường của những nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và các nước đang phát triển, đồng thời tăng cường các cuộc đàm phán với Nhật Bản, Mỹ, Australia và New Zealand... để ký kết các hiệp định kinh tế song phương. Những chính sách kinh tế đối ngoại năng động là động lực chính để góp phần chuyển hướng phát triển kinh tế từ hướng nội sang hướng ngoại, thúc đẩy sự tăng trưởng của kinh tế Malaysia.

Lĩnh vực dân tộc, tôn giáo và văn hóa-xã hội

Malaysia là quốc gia có thành phần dân tộc rất phức tạp, trong đó tộc người Melayu chiếm đa số khoảng 57% dân số cả nước; người Hoa đứng thứ hai (khoảng 25%); người Ấn đứng thứ ba (khoảng 10%). Ngoài ra ở Malaysia còn có nhóm người Orang Asli (cư dân đầu tiên), là các tộc người tại chỗ sống lâu đời trên bán đảo Malaysia (Lý Tường Vân, 2010). Nhóm người Melayu và Orang Asli cũng là nhóm dân cư có tỷ lệ nghèo đói cao so với nhóm người Hoa và người Ấn. Sự đa dạng về văn hóa và bất bình đẳng trong kinh tế là những yếu tố tiềm ẩn dẫn đến các mâu thuẫn và xung đột. Có thể thấy, từ NEP đến Tầm nhìn năm 2020 đã chứng tỏ, Chính phủ Malaysia nỗ lực thực hiện các chính sách phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, tộc người nhằm hạn chế những mâu thuẫn nảy sinh từ tình trạng đói nghèo, khác biệt về mức sống, thu nhập, khu vực sinh sống và vị thế trong nền kinh tế của các cộng đồng dân tộc ở Malaysia. Chính sách phát triển kinh tế hướng tới sự công bằng giữa các cộng đồng sắc tộc góp phần giải quyết toàn diện và triệt để vấn đề hòa hợp, thống nhất dân tộc.

Tinh thần dân tộc được phát huy và củng cố thúc đẩy ý thức tôn giáo của người Mã Lai theo Islam giáo phát triển. Do đó, Chính phủ Malaysia không ngừng điều chỉnh chính sách đối với Islam giáo qua từng thời kỳ cho phù hợp. Islam giáo từ nhiều đời nay đã là yếu tố không thể tách rời của nền văn hóa Malaysia, là bản sắc của nền văn hóa quốc gia này. Hoạch định chính sách ủng hộ Islam giáo là biện pháp giúp UMNO củng cố vị trí của mình trong cộng đồng người Mã Lai theo Islam giáo.

Hiến pháp Malaysia đảm bảo quyền tự do tôn giáo trong khi xác định Islam là quốc giáo, chiếm một vị trí rất quan trọng và có thể chi phối cũng như tham gia vào mọi mặt của đời sống từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Chính Islam giáo là yếu tố tạo nên sự khác biệt sâu sắc giữa những người Mã Lai theo Islam giáo với những người không phải Mã Lai theo Islam giáo. Thủ tướng Mahathir

Mohamad chủ trương ủng hộ đạo Islam và xem đây là cơ sở để thống nhất cộng đồng người Mã Lai nói riêng và Malaysia nói chung (Lý Tường Vân, 2010).

Với đặc thù của một quốc gia đa dân tộc lấy Islam làm quốc giáo, luật pháp Malaysia được xây dựng vừa quy định chính thể, cấu trúc quyền lực, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân các cộng đồng, phù hợp với giáo lý kinh Koran trên tinh thần một quốc gia Islam giáo “thế tục hóa” (Nguyễn Tất Giáp, 2015, tr.190). Mối quan hệ Tổ quốc-Tôn giáo-dân tộc-cộng đồng được cô đúc trên nền tảng Tuyên ngôn Rukunegara là điều kiện cần thiết để thống nhất các lực lượng dân tộc vào quá trình cùng cố bảo vệ độc lập quốc gia. Các chính sách của Chính phủ Mahathir Mohamad đối với Islam giáo đều nhằm thực hiện lợi ích của Islam, nâng cao vai trò và địa vị của tôn giáo này. Chính sách đối ngoại của chính phủ cũng thể hiện rõ xu hướng nghiêng về thế giới Islam giáo. Tầm nhìn 2020 cũng đặt ra cho Islam giáo hướng tới mục tiêu đưa Malaysia tiến lên hiện đại và quan trọng là không có sự xung đột nào giữa các giá trị Islam giáo với sự thịnh vượng về kinh tế. Chính phủ Malaysia cũng ứng xử ôn hòa, cởi mở hơn với sự hiện diện của các hiện tượng tôn giáo mới trên cơ sở Hiến pháp. Khi Chính phủ công nhận “Islam giáo là tôn giáo của Liên bang” thì các tôn giáo khác vẫn có thể được hành đạo trong hòa bình và hòa hợp ở mọi miền thuộc Liên bang.

Văn hóa Malaysia chịu ảnh hưởng đáng kể từ văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ cùng các ảnh hưởng khác đến từ Ba Tư, Ả Rập và nước Anh. Kể từ khi chính phủ ban hành “Chính sách văn hóa quốc gia” (1971) đến nay, văn hóa Malaysia dựa trên nền tảng văn hóa các dân tộc bản địa, dung nạp thêm các yếu tố phù hợp từ các văn hóa khác và Hồi giáo vẫn tiếp tục đóng một vai trò quan trọng văn hóa Malaysia. Ngôn ngữ chính thức là tiếng Mã Lai (Bahasa Melayu), nhưng các ngôn ngữ khác vẫn được sử dụng. Từ sau khi giành độc lập đến nay, hệ thống giáo dục Islam vẫn song song tồn tại trong hệ thống giáo dục quốc gia. Các kiến thức về Islam giáo chiếm tới 60% thời gian và chương trình học tập. Chính sách ưu đãi người Melayu gốc trong giáo dục được thực hiện nhất quán qua các thời kỳ. Chính phủ Malaysia thực hiện mở rộng cơ hội học sinh ngoài cộng đồng Melayu vào các trường phổ thông nội trú và các trường cao đẳng công lập đối với từng nhóm cộng đồng. Ngoài ra, Chính phủ cũng thực hiện các chính sách cho phụ nữ tiếp cận bình đẳng với các cơ hội giáo dục nhằm cải thiện và nâng cao vai trò vị thế của người phụ nữ.

Kết luận

Bảo vệ cùng cố độc lập chủ quyền quốc gia là một quá trình thường xuyên liên tục đối với mọi quốc gia sau khi giành được độc lập, và Liên bang Malaysia cũng không ngoại lệ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế sau Chiến tranh Lạnh, quá trình cùng cố độc lập dân tộc của Liên bang Malaysia đứng trước những thách thức to lớn. Tiếp nối những thành quả cùng cố độc lập dân tộc giai đoạn 1957-1990, Chính phủ Malaysia đã từng bước giải quyết được những tranh chấp về lãnh thổ; giải quyết vấn đề dân tộc tôn giáo; phát triển văn hóa giáo dục... Thành tựu lớn nhất trong giai đoạn này chính là việc Chính phủ Malaysia đã ổn định và từng bước dần chủ hóa nền chính trị; cải cách mạnh mẽ nền kinh tế; tiếp tục giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc, tôn giáo... Nhờ đó, Malaysia đã vươn lên thành một quốc gia tương đối phát triển với một nền kinh tế năng động, có sức cạnh tranh khá cao, một xã hội phát triển hài hòa và ngày càng có uy tín trên trường quốc tế. Giữ vững chủ quyền quốc gia và hội

nhập quốc tế của Liên bang Malaysia thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh là những kinh nghiệm có giá trị thực tiễn mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng đất nước, cùng cố và bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Hoài Bắc (2017), *Cải cách thể chế: kinh nghiệm từ Singapore, Malaysia*, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/du-tu/cai-cach-the-che-kinh-nghiem-tu-singapore-malaysia-182325.html>, ngày truy cập 20/01/2019.
2. Kim Dung (2015), *Thành công của Malaysia trong vai trò Chủ tịch ASEAN*, <https://www.vietnamplus.vn/thanh-cong-cua-malaysia-trong-vai-tro-chu-tich-asean/362922.vnp>, ngày truy cập 22/01/2019.
3. Luân Thùy Dương (2010), Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-sự-kien/2010/487/Chinh-sach-cua-Mỹ-đoi-voi-khu-vuc-Dong-Nam-A.aspx>, ngày truy cập 15/02/2019.
4. Nguyễn Tất Giáp (2015), *Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Trịnh Thị Hoa (2015), *Quá trình đấu tranh cùng cố độc lập dân tộc của Liên bang Malaixia*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Thái Văn Long (2006), *Độc lập dân tộc của các nước đang phát triển trong xu thế toàn cầu hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Lê Đăng Minh (chủ biên, 2018), *Kinh tế - xã hội các nước Đông Nam Á*, Nxb. Kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Thanh Minh (2016), *Một số phân quyết pháp lý về tranh chấp chủ quyền biển đảo*, <http://nghiencuuquocte.org/2016/01/12/phan-quyet-phap-ly-tranh-chap-chu-quyen>, ngày truy cập 10/3/2019.
9. Lương Ninh (chủ biên, 2018), *Đông Nam Á lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Trần Thị Thảo (2013), *Quan hệ Malaysia - Singapore từ 1965 - 2010*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Lý Tường Văn (2010), *Một vài kinh nghiệm của Malaixia trong giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và tôn giáo*, <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Ve-mot-vai-kinh-nghiem-cua-Malaixia-trong-giai-quyet-moi-quan-he-giua-van-de-dan-toc-va-ton-giao-35210.html>, ngày truy cập 08/01/2019.
12. Vnexpress, *Tân thủ tướng 92 tuổi của Malaysia sắp tuyên thệ nhậm chức*, <https://the-gioi/tan-thu-tuong-92-tuoi-cua-malaysia-sap-tuyen-the-nham-chuc-3747768.html>, ngày truy cập 26/02/2019.
13. International Monetary Fund, https://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2018/01/weodata/weorept.aspx?sy=1980&ey=2023&scsm=1&ssd=1&sort=country&ds=.&br=1&c=548&s=NGDP_RPCH%2CPHPPGDP%2CPPPPC%2CPCPIPCH%2CLUR%2CAGXWDG_NGDP&grp=, ngày truy cập 16/02/2019.